

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI MÙA VIỆT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI MÙA VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MUA VIET TRADING AND INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109889637

3. Ngày thành lập: 17/01/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 102 - A7 phố Bùi Ngọc Dương, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0942168788

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ Hoạt động của các đấu giá viên)	4610
2.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
3.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
4.	Bán buôn thực phẩm	4632(Chính)
5.	Bán buôn đồ uống	4633
6.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
7.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ hoạt động đấu giá)	4649
8.	Trồng lúa	0111
9.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
10.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
11.	Trồng cây mía	0114
12.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
13.	Trồng cây lấy sợi	0116
14.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
15.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
16.	Trồng cây hàng năm khác	0119
17.	Trồng cây ăn quả	0121
18.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
19.	Trồng cây điều	0123
20.	Trồng cây hồ tiêu	0124

21.	Trồng cây cao su	0125
22.	Trồng cây cà phê	0126
23.	Trồng cây chè	0127
24.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
25.	Trồng cây lâu năm khác	0129
26.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
27.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
28.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
29.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
30.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
31.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
32.	Khai thác thủy sản biển	0311
33.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
34.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
35.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
36.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
37.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
38.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
39.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
40.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
41.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
42.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
43.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
44.	Sản xuất rượu vang	1102
45.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
46.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
47.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ Hoạt động của đầu giá viên)	4774
48.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
49.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (trừ Hoạt động của đầu giá viên, trừ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí))	4789
50.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ Hoạt động đầu giá qua internet và đầu giá khác không ở cửa hàng (bán lẻ))	4791
51.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô (Điều 8 NĐ 10/2021/NĐ-CP)	4932

52.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 9 NĐ10/2021/NĐ-CP)	4933
53.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản)	5210
54.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
55.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
56.	Dịch vụ ăn uống khác (trừ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không)	5629
57.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
58.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
59.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
60.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN KIM HUỆ	Việt Nam	Số 85 Tập thể 24 ngõ 103 đường Trương Định, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	400.000.000	40,000	001172022637	
2	NGUYỄN NAM SƠN	Việt Nam	Số 85 Tập thể 24 ngõ 103 đường Trương Định, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	600.000.000	60,000	001098011457	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN NAM SƠN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/02/1998

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001098011457

Ngày cấp: 28/01/2016

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Số 85 Tập thể 24 ngõ 103 đường Trương Định, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 85 Tập thể 24 ngõ 103 đường Trương Định, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội